

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2024

V/v “ly hôn giữa chị Phương
và anh Tuyên”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Bà Phạm Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngày 22-11-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lưu Thị P, sinh năm 1981

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(chị P, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện chị Lưu Thị Phương trình B: chị kết hôn với anh T là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện H vào ngày 29-12-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01-2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (TAND) huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 2001 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2005. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị và anh T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/10/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay chị P xin ly hôn anh, quan điểm của anh tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không muốn vợ chồng ly hôn, nếu chị P cố tình ly hôn anh đành chấp nhận. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 2001 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2005. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: anh và chị P tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T, trú tại thôn H, xã T, huyện H; Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà. Chị P, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị P, anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 29-12-1999, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Chị P cương quyết xin ly hôn anh T cũng chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị P và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 2001 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2005. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế. Vì vậy không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung:* chị P và anh T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* chị P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* cho ly hôn giữa chị Lưu Thị P và anh Nguyễn Văn T.
2. *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 2001 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2005. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không xem xét giải quyết.
3. *Về tài sản chung:* không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí:* chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003902 ngày 08-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị P đã nộp đủ tiền án phí).
5. Về quyền kháng cáo: chị P và anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn

